

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 tháng 02 năm 2021

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1). Ông Nguyễn Văn Tâm

2). Ông Bùi Vĩnh Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Duy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020, về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Kim M, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Phước T, sinh năm xxxx (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kinh Giữa, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Kim M trình bày:*

- Về hôn nhân: Năm 2016, chị và anh T qua mai mối, tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bên gia đình anh T. Sống hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do anh T cơ bạc gây nợ, bất đồng quan điểm về việc nuôi dạy con chung giữa chị M và mẹ chồng, vợ chồng thường cãi nhau nên cha chồng không vừa ý và đuổi chị đi. Chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2018 cho đến nay, anh chị không có hàn gắn trao đổi tình cảm. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phước T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị M yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ngân và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị M yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có

- Về nợ chung: Không có

* Anh Lê Phước T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng tại phiên tòa anh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với chị M về nguyên nhân, điều kiện tiến đến hôn nhân, nơi vợ chồng chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị M yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống chung với chị M. Ly hôn, chị M yêu cầu nuôi dưỡng cháu Ngân và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh đồng ý.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị Kim M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phước T là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công

Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, chị M và anh T đều có mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hồ Thị Kim M và anh Lê Phước T tự nguyện tìm hiểu và chung sống được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng kết hôn số 67, ngày 22 tháng 6 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn do anh T cờ bạc gây nợ, chị M bất đồng quan điểm về cách nuôi dạy con với mẹ chồng nên vợ chồng thường cãi nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, cha chồng không vừa ý nên đuổi đi. Từ tháng 9/2018 anh chị không còn chung sống cho đến nay, vợ chồng không trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh Lê Phước T.

- Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, anh T không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của mình, không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng và hiện nay anh chị không còn chung sống với nhau nên Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M xin ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại phiên tòa, chị M và anh T đều đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận

- Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đề anh có ý kiến về việc chị M xin ly hôn nhưng anh vẫn không có ý kiến mà để mặc cho mâu thuẫn kéo dài, không phản đối những nội dung mà chị M đưa ra nên lời trình bày của chị M là có cơ sở phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị M khai vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx hiện đang sống chung với chị M. Ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T thống nhất về điều kiện hiện nay của con chung và đồng ý giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx, anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của chị M về việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều kiện sinh hoạt hiện nay của con chung và quy định tại các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

[2.3] Về tài sản chung: Đang sự khai không có.

[2.4] Về nợ chung: Đang sự khai không có.

[3] Về án phí: Chị M, anh T phải nộp án theo quy định.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Kim M và anh Lê Phước T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc Kim N, sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Hồ Thị Kim M được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Lê Phước T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Lê Ngọc Kim Ngân hàng tháng với số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Lê Phước T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Chị Hồ Thị Kim M nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018035 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị M đã nộp đủ án phí.

- Anh Lê Phước T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THA DS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã T, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự
- Lưu hs.av

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Vũ